BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 583 /QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2009/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3** (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38294274 Fax: 028.38293012

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn/info@quatest3.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Khu thử nghiệm Biên Hòa:

Số 7 Đường số 1, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3836212 Fax: 0251.3836298

Email: tn-cskh@quatest3.com.vn

b) Khu Văn phòng và Phòng thí nghiệm:

Lô C5, Đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.382 942 74 Fax: 028.382 930 12
Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn

Thực hiện việc **Chứng nhận** đối với sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2022/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và quy định của pháp luật hiện hành.

Thực hiện việc **Thử nghiệm** đối với sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2022/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và quy định của pháp luật hiện hành *(Chi tiết chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm nêu tại Phụ lục kèm Quyết định này).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 07/6/2027.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm do mình thực hiện.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Phó TCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục

DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH THỬ NGHIỆM THEO QUY ĐỊNH TẠI QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA QCVN 01:2022/BKHCN

(Kèm theo Quyết định số: 583 /QĐ-TĐC ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Các chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định	Phương pháp thử
Hóa học			
1.	Xăng	Trị số octan (RON)	TCVN 2703 (ASTM D 2699)
2.		Hàm lượng chì	TCVN 7143 (ASTM D 3237)
3.		Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi)	TCVN 6593 (ASTM D 381)
4.		Hàm lượng benzen	TCVN 6703 (ASTM D 3606)
5.		Hàm lượng Hydrocacbon thơm	TCVN 7330 (ASTM D 1319)
6.		Hàm lượng olefin	TCVN 7330 (ASTM D 1319)
7.		Hàm lượng oxy	TCVN 7332 (ASTM D 4815)
8.		Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn)	TCVN 7331 (ASTM D 3831)
9.		Thành phần cất phân đoạn : - Điểm sôi đầu - 10 % thể tích - 50 % thể tích - 90 % thể tích - Điểm sôi cuối - Cặn cuối	TCVN 2698 (ASTM D 86)
10.		Hàm lượng lưu huỳnh	TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
11.		Nước tự do	TCVN 7759 (ASTM D 4176)
12.	Xăng E10	Hàm lượng nước	TCVN 11048 (ASTM E 203)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Các chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định	Phương pháp thử
13.	Nhiên liệu diezen	Thành phần cất phân đoạn : - Điểm sôi đầu - 10 % thể tích - 50 % thể tích - 90 % thể tích - Điểm sôi cuối - Cặn cuối	TCVN 2698 (ASTM D 86)
14.		Hàm lượng lưu huỳnh	TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
15.		Nước tự do	TCVN 7759 (ASTM D 4176)
16.		Xêtan	TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737)
17.		Điểm chớp cháy cốc kín	TCVN 2693 (ASTM D 93)
18.		Độ nhớt động học ở 40°C	TCVN 3171 (ASTM D 445)
19.		Điểm chảy (điểm đông đặc)[2], °C	TCVN 3753 (ASTM D 97)
20.		Hàm lượng nước	TCVN 3182 (ASTM D 6304)
21.		Hàm lượng hydrocacbon thơm đa vòng (PAH)	TCVN 11589 (ASTM D 6591)
22.		Tạp chất dạng hạt	TCVN 2706 (ASTM D 6217)
23.	Nhiên liệu sinh học (Ethanol nhiên liệu biến tính và không biến tính)	Hàm lượng etanol	TCVN 7864 (ASTM D 5501)
24.		Hàm lượng metanol hơn	TCVN 7864 (ASTM D 5501)
25.		Hàm lượng lưu huỳnh	TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
26.		Hàm lượng nước	TCVN 7893 (ASTM E 1064)
27.		Độ axit (tính theo axit axetic CH_3COOH)	TCVN 7892 (ASTM D 1613)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Các chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định	Phương pháp thử
28.	Nhiên liệu sinh học (Ethanol nhiên liệu biến tính và không biến tính)	Hàm lượng clorua vô cơ	TCVN 11049 (ASTM D 7319) TCVN 11050 (ASTM D 7328)